

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (Nguyễn Bình)
Phần B.I. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Đặng Thị Lịch	8,00	Tám
2	Lương Thị Kim Cúc	8,00	Tám	42	Hoàng Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm
3	Ngô Đức Chính	7,50	Bảy phẩy năm	43	Hà Thị Hồng Linh	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	44	Bàn Thị Lưu	8,00	Tám
5	Triệu Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	45	Tô Thị Mến	7,00	Bảy
6	Nguyễn Thị Thu Dung	8,00	Tám	46	Hoàng Lê Miên	8,00	Tám
7	Hoàng Kim Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	47	Bé Thị Lê Na	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hoàng Thị Dung	7,50	Bảy phẩy năm	48	Chu Thị Nải	8,00	Tám
9	Hoàng Anh Dũng	8,00	Tám	49	Hoàng Thị Nét	7,50	Bảy phẩy năm
10	Hoàng Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Diêu Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
11	Lê Thị Diệp	8,00	Tám	51	Triệu Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Văn Giang	8,00	Tám	52	Hoàng Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
13	Nông Đức Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	53	Hoàng Minh Nga	8,00	Tám
14	Nông Thị Gióng	7,00	Bảy	54	Chu Thị Ngân	7,00	Bảy
15	Tô Hồng Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	55	Triệu Kim Ngân	6,50	Sáu phẩy năm
16	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	56	Nông Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy năm
17	Nông Thu Hằng	8,00	Tám	57	Lương Thị Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	58	Hoàng Thị Nha	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Hân	7,50	Bảy phẩy năm	59	Lương Thị Phượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Đặng Thu Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lê Thị Phượng	8,00	Tám
21	Đinh Ích Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	61	Ma Thị Quyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Đào Thị Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	62	Lê Đăng Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
23	Chu Thị Hoàn	7,50	Bảy phẩy năm	63	Bé Quang Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm

lq


STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
24	Cung Lê Hoàng	7,00	Bảy	64	Vi Hữu Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
25	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	65	Hà Quốc Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
26	Đinh Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	66	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
27	Triệu Ngọc Huân	7,50	Bảy phẩy năm	67	Hà Thị Tuyết	8,00	Tám
28	Phương Quốc Huy	8,00	Tám	68	Hà Văn Tuynh	7,50	Bảy phẩy năm
29	Đinh Thị Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	69	Trương Thị Mai Thanh	8,00	Tám
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	70	Bàn Văn Thắng	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Tạ Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	71	Nông Thị Bích Thu	8,00	Tám
32	Đàm Thị Hương	7,00	Bảy	72	Lương Thị Thủy	8,00	Tám
33	Nguyễn Thanh Hương	7,50	Bảy phẩy năm	73	Nguyễn Thị Thúy	8,00	Tám
34	Hoàng Thị Hường	8,00	Tám	74	Bàn Phúc Thượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Lương Xuân Hương	8,00	Tám	75	Lương Văn Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khởi	7,50	Bảy phẩy năm	76	Lý Ngọc Trịnh	7,50	Bảy phẩy năm
37	Hoàng Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Nông Thị Uyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Lương Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	78	Phạm Thị Hồng Việt	8,00	Tám
39	Hà Hồng Lan	8,00	Tám	79	Chu Thị Yên	8,00	Tám
40	Dương Văn Lành	7,50	Bảy phẩy năm				

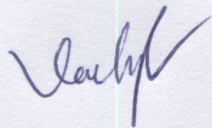
Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 7,00: 05 điểm; Điểm 7,25: 03 điểm; Điểm 7,50: 39 điểm; Điểm 7,75: 08 điểm; Điểm 8,00: 23 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG







Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng